TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Bà Phan Thị Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1992.

Cư trú tại: Số nhà A, tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1989.

HKTT: Tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Cộng hòa Séc.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hải N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn vào tháng 01 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Thời gian đầu chung sống hay vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Được khoảng 2 tháng sau khi kết hôn thì anh T sang Cộng hòa Séc để tiếp tục công việc. Từ đó cho đến nay anh chị xảy ra mâu thuẫn, theo chị N là do anh chị bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về chuyện sinh

con, tính cách không hòa hợp nên anh chị cũng ít liên lạc và sống từ thân nhau. Nay chị N xác định tình cảm không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn anh Nguyễn Thành T gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh T cũng xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Hải N. Về quan hệ hôn nhân anh xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn và tranh cãi, nguyên nhân do lớn lên và sinh sống ở hai môi trường khác nhau, tính cách không hợp lại ở xa nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị cũng ít liên lạc với nhau. Về nguyện vọng xin ly hôn của chị N, anh đồng ý vì anh chị đã không còn tình cảm dành cho nhau nữa.

Về con chung: Anh T xác định hai vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có.

Hiện nay, do anh đang sinh sống và làm việc ở Cộng hòa Séc nên anh không thể sang Việt Nam trực tiếp giải quyết nên anh có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là người Việt Nam, hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Séc, có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hải N và anh Nguyễn Thành T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh T quay lại Cộng hòa Séc để tiếp tục làm việc. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng do khoảch cách về địa lý quá xa giữa hai nước nên anh

chị cũng ít được gặp và quan tâm đến nhau. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay vợ chồng ít khi liên lạc, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chông không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tại quan điểm cá nhân về việc giải quyết vụ án ly hôn của anh T gửi về cho Tòa án, anh cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị N xin ly hôn, anh T nhất trí nên cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị N và anh T đều xác định chưa có con chung.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] □n phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Thành T. Con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, 147, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải N được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Chưa có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. □n phí: Chị Nguyễn Thị Hải N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 0008782 ngày 22/5/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh T được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND TPT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Nhài